TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày: 01 - 4 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Sơn
Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Công Quảng - Kiểm sát Viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Bùi Thanh T**, sinh năm 1972, tại thành phố Hố Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: số nhà 47, đường số 35, tổ 5, thôn 2, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Cha: Bùi T1, sinh năm 1941 (đã chết); Mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1951. Gia đình có 07 anh em, Bùi Thanh T là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đức Linh từ ngày 24/3/2022 đến nay – có mặt.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thị N, s**inh năm 1977, tại Đức Linh, Bình Thuận. Hộ khẩu thường trú: số nhà 47, đường số 35, tổ 5, thôn 2, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: phật giáo. Trình độ học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Cha: Nguyễn L, sinh năm 1941 (đã chết); Mẹ: Bùi Thị S, sinh năm 1942. Gia đình có 05

anh em, Nguyễn Thị N là con thứ tư trong gia đình. Chồng: Bùi Thanh T, sinh năm 1972. Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Bị cáo hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 24 ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh - Có mặt.

Người bị hại: Ông Lương Trọng Đ, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 106 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 8, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/11/2019, vợ chồng Bùi Thanh T, sinh năm: 1972 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, Hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ 58, diện tích 596,5 m^2, giấy chứng nhận QSDĐ số CS492925 do ông Bùi Thanh T làm chủ sử dụng (tài sản nhận thừa kế) cho vợ chồng ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1979 và bà Lưu Thị Thu S, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, thị trấn.Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4566, quyển số 01 TP/CC – SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hoài Đức chứng thực ngày 25/11/2019. Hai bên đã thực hiện việc giao nhận tiền đầy đủ theo hợp đồng chuyển nhượng và đã cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Đến ngày 02/04/2020, vợ chồng Bùi Thanh T và Nguyễn Thị N tiếp tục viết giấy tay sang nhượng đất cho ông Lương Trọng Đ, sinh năm 1992, trú số 106, đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 8, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (là cháu gọi bà N bằng dì ruột) diện tích 168 m^2 (6m x 28m) thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 58 diện tích 596,5m2 (đã chuyển nhượng cho ông Q và bà S) với giá tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và đã được ông Đ giao nhiều lần với số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi nhận tiền xong vợ chồng ông T, bà N không thực hiện việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ theo thỏa thuận. Nhiều lần ông Lương Trọng Đ yêu cầu Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận tại giấy sang nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 02/4/2020, nhưng vợ chồng T, N không thực hiện và cũng không trả lại số tiền mà vợ chồng T, N đã nhận nên ông Lương Trọng Đ có đơn gởi đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh tố cáo Bùi Thanh T và Nguyễn Thị N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông số tiền 320.000.000 đồng.

Quá trình điều tra vợ chồng Bùi Thanh T và Nguyễn Thị N đã thừa nhận có hành vi, sang nhượng một phần diện tích đất cho ông Lương Trọng Đ trong thửa đất số 125, tờ bản đồ số 58, diện tích 596,5 m^2 địa chỉ tại thôn 2, xã Nam Chính, Đức Linh, Bình Thuận mà T và N đã chuyển nhượng cho ông Q và bà S vào năm 2019 với giá 300.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Đ đã giao cho vợ chồng T N số tiền 320.000.000 đồng

- Tại bản kết luận giám định số 781/KLGĐ-PC09 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thanh T trên phần nội dung giấy sang nhượng đất giữa vợ chồng Bùi Thanh T và Nguyễn Thị N với ông Lương Trọng Đ là chữ viết, chữ ký của Bùi Thanh T và phần chữ viết mang tên Nguyễn Thị N trên phần nội dung giấy sang nhượng đất giữa vợ chồng Bùi Thanh T và Nguyễn Thị N với ông Lương Trọng Đ là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị N.

Ngày 16/6/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đức Linh kết luận điện tích (6m x 28m) mà vợ chồng T, N chuyển nhượng cho Lương Trọng Đ có giá 240.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSĐL-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N về tội "Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa trong phần tranh tụng:

Bị cáo Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo về tội "Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản" là đúng.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ hình phạt, nhân thân của các bị cáo từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N phạm tội "Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh T mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù giam; bị cáo Nguyễn Thị N mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam.

Về dân sự: Buộc vợ chồng Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N phải trả lại cho ông Lương Trọng Đ số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) và trả lãi trên số tiền gốc 300.000 đồng từ ngày 29/4/2020 đến nay theo lãi xuất quy định của pháp luật

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, ngoài ra không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi và tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau:

Vợ chồng Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N có thửa đất số 125, tờ bản đồ 58, diện tích 596,5 m2, tọa lạc tại thôn 2, xã Nam Chính, huyện Đức Linh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS492925 do Bùi Thanh T đứng tên, nguôn gốc đất này là ông T nhận thừa kế của cha mẹ. Ngày 25/11/2019 ông T, bà N đã làm hợp đồng số 4566 chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hồng Q và bà Lưu Thị Thu S. Đến ngày 02/4/2020 Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N lại tiếp tục viết giấy tay chuyển nhượng cho ông Lương Trọng Đ một phần diện tích đất (6m x 28m) = 168m2 nằm trong thửa đất số 125, tờ bản đồ 58 mà vợ chồng T, N đã sang nhượng cho ông Q, bà S trước đây, để chiếm đoạt của ông Lương Trọng Đ số tiền 300.000.000 đồng.

Từ lời khai của các bị cáo và người bị hại tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của họ tại cơ quan điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định

của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N phạm tội "Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, tính đồng phạm của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của ông Lương Trọng Đ được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng, hoang mang từ việc giao dịch mua bán tài sản trong nhân dân. Các bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận biết được hành vi lừa dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi, tham lam, lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ. Điều đó thể hiện các bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, xem nhẹ lòng tin của người khác, nghĩ cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết giảm nhẹ: xét thấy các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Vì vậy, cần lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt tương ứng với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Tính đồng phạm của vụ án: xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội và cùng sử dụng khoảng tiền chiếm đoạt được. Bị cáo T là người đứng tên chủ sỡ hữu tài sản giao dịch, bị cáo N là người đề xướng giao dịch, người trực tiếp nhận tiền. Đối với bị cáo Bùi Thanh T, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặt dù được cho tại ngoại nhưng đã không chấp hành tốt những quy định của pháp luật nên Tòa án phải ra Quyết định bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án. Xét mức độ và vai trò của hai bị cáo trong vụ án thì thấy rằng cần xử phạt hai bị cáo với mức hình phạt bằng nhau là phù hợp, để thể hiện sự công bằng của pháp luật.

[4] Về hình phạt: Từ những phân tích trên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp. Nhưng cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T là phù hợp vì bị cáo T tuy là người đứng tên chủ sở hữu tài sản giao dịch nhưng có vai trò trong vụ án thấp hơn bị cáo N.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại của ông Lương Trọng Đ là do các bị cáo Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N thực hiện hành vi phạm tội để chiếm đoạt, nên cần buộc các bị cáo phải liên đới trả lại số tiền này cho người bị hại là phù hợp. Số tiền thỏa thuận thực hiện việc mua bán theo hợp đồng là 300.000.000 đồng nhưng số tiền thực tế các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 320.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo phải trả lại số tiền 320.000.000 đồng cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/4/2020 (là ngày giao đủ tiền) đến ngày xét xử sơ thẩm 01/4/2022 trên số tiền gốc 300.000.000 đồng; các bị cáo cũng thống nhất ngày bắt đầu tính lãi là ngày 29/4/2020. Yêu cầu của người bị hại là phù hợp cần chấp nhận: 23 tháng 02 ngày x 0,83% x 300.000.000 đồng = 57.436.000 đồng

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điêm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 357, 468, 584, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015

Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Điểm a khoản 1 Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Tuyên bố: Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

- Xử phạt Bùi Thanh T 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/3/2022.

- Xử phạt Nguyễn Thị N 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho ông Lương Trọng Đ số tiền 377.436.000 đồng (trong đó 320.000.000 đồng tiền gốc và 57.436.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày người bị hại Lương Trọng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa

vụ trả tiền theo quy định của pháp luật, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về án phí: Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và Bùi Thanh T, Nguyễn Thị N phải chịu 18.871.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (01/4/2022) để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Linh;
- CQTHAHS - Công an huyện Đức Linh;
- Sở Tư pháp Bình thuận;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh (khi có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã Nam Chính;
- Các bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn